

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày 08 - 6 - 2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út.

2. Ông Thạch Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần P(OCB).** Địa chỉ: số 41-45 L, phường C, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại 028.383.20960.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Trung K – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh B (văn bản ủy quyền số 70/2018/UQ-CT.HĐQT ngày 16/4/2018).

Người được ông Ngô Trung K ủy quyền lại là: Ông Đinh Văn T1, ông Tống Minh Đ, anh Nguyễn Trung H - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - Trung tâm thu hồi nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần P(văn bản ủy quyền số 13A/GUQ-OCB.CNBL ngày 16/4/2018).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 59A/9, khóm D, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - Thương mại M.** Địa chỉ trụ sở: Lầu 1, Nhà phụ trợ 1 – Chợ Trung tâm B, đường Phan Ngọc Hiển, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đông H - Chức vụ: Tổng giám đốc.

(Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P ông Tống Minh Đ có

mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn D có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng – Thương mại M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại cổ phần P trình bày:

Ông Nguyễn Văn D có ký kết hợp đồng tín dụng số 048.0223/2014/HĐTD-CN ngày 11/11/2015 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (gọi tắt là ngân hàng), Chi nhánh B để vay số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/ năm trong 06 tháng đầu, từ tháng thứ 07 trở đi lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ lãi xuất (tối thiểu 4,5%/năm), thời hạn vay 120 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vốn và lãi là 28.712.179 đồng, sau đó ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông D trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ Ngân hàng cụ thể nợ gốc là 116.350.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 08/06/2018 gồm lãi trong hạn là 18.021.682 đồng, lãi quá hạn 4.535.288 đồng, trong đó lãi quá hạn trên số tiền gốc là 3.023.527 đồng, lãi phạt trên số tiền lãi chận trả là 1.511.761 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông D phải thanh toán lãi trên số tiền 116.350.000 đồng theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 048.0223/2014/HĐTD-CN ngày 11/11/2015 từ ngày 09/6/2017 đến khi trả xong các khoản tiền.

Trường hợp ông Lê Văn D không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Pyêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - Thương mại M (gọi tắt là công ty M) phải thanh toán khoản nợ trên thay cho ông Nguyễn Văn D theo hợp đồng hợp tác số 01/2014/HĐLK-OCB ngày 10/11/2014 giữa công ty M và Ngân hàng thương mại Cổ phần P, Chi nhánh B.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D và Công ty M không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki ốt số G05 chợ Trung tâm phường N, thành phố B, diện tích 4,53m² theo giấy chứng nhận số 192/GCN-MTBL do công ty M cấp ngày 11/05/2015 để thu hồi nợ.

Tại các lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông đã trả ki ốt số G05 cho Công ty M vào ngày 08/02/2017 và đã làm biên bản thanh lý hợp đồng ba bên với Ngân hàng Thương mại cổ phần P và Công ty M cùng ngày 08/02/2017. Từ khi ký biên bản đến nay thì ông và công ty M không còn liên quan, Công ty M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến của công ty.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần P, ông Nguyễn Văn D giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Giao dịch giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương

mai cổ phần P và bị đơn ông Nguyễn Văn D là giao dịch ký kết hợp đồng tín dụng được thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nội dung và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng quy định. Thực tế giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P và ông Nguyễn Văn D có ký kết hợp đồng tín dụng số 048.0223/2014/HĐTD-CN ngày 11/11/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông D trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận buộc ông Nguyễn Văn D thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 116.350.000 đồng, lãi trong hạn 18.021.682 đồng, lãi quá hạn 3.023.527 đồng và lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc 116.350.000 đồng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ cho ngân hàng. Đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi 1.511.761 đồng, do đây là lãi chồng lãi, không đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền này của Ngân hàng Thương mại cổ phần P. Căn cứ hợp đồng hợp tác số 01/2014/HĐLK-OCB ngày 10/11/2014 giữa công ty Cổ phần đầu tư, xây dựng, thương mại M và Ngân hàng thương mại Cổ phần P, Chi nhánh B thì trường hợp ông Lê Văn D không trả được nợ thì buộc Công ty Cổ phần đầu tư, xây dựng, thương mại M do bà Nguyễn Thị Đông H là đại diện theo pháp luật phải thanh toán khoản nợ trên thay cho ông Nguyễn Văn D. Nếu Công ty M không thanh toán được nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki ốt số G05 chợ Trung tâm B, diện tích 4,53m² theo giấy chứng nhận số 192/GCN-MTBL do công ty M cấp ngày 11/05/2015 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 138.906.970 đồng (trong đó nợ gốc là 116.350.000 đồng, lãi trong hạn 18.021.682 đồng, lãi quá hạn là 4.535.288 đồng, tạm tính đến ngày 08/6/2018) và lãi suất trên số tiền 116.350.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 048.0223/2014/HĐTD-CN ngày 11/11/2015, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại số 59A/9, khóm D, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 08/2/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần P, ông Nguyễn Văn D và công ty M ký kết thỏa thuận trả nợ, đến ngày 22/8/2017, ngân hàng Thương mại cổ phần P khởi kiện tại Tòa án nên theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án:

Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, ông Nguyễn Văn D có ký kết hợp đồng tín dụng số 048.0223/2014/HĐTD-CN ngày 11/11/2015 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P Chi nhánh B để vay số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/ năm trong 06 tháng đầu, từ tháng thứ 07 trở đi lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ lãi xuất (tối thiểu 4,5%/năm), thời hạn vay 120 tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần P xác định sau khi vay tiền ông D thanh toán cho Ngân hàng được số tiền vốn và lãi là 28.712.179 đồng, còn nợ tiền gốc 116.350.000 đồng, tiền lãi tính đến hết ngày 08/06/2018 gồm lãi trong hạn là 18.021.682 đồng, lãi quá hạn 4.535.288 đồng (trong đó lãi trên số tiền gốc quá hạn là 3.023.527 đồng, lãi trên số tiền lãi chậm trả là 1.511.761 đồng).

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được các bên tự nguyện ký kết, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp, không trái quy định pháp luật, khách hàng vay ông Nguyễn Văn D đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ đã giao kết trong hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ; phía ông D xác định thống nhất về số tiền vay, thời gian vay tiền, số tiền đã trả như ngân hàng trình bày là đúng, tuy nhiên giữa ông và Công ty M và Ngân hàng Thương mại cổ phần P có ký kết thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thuê ki ốt thể hiện tại biên bản làm việc ngày 08/2/2017 nên ông D không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mà Công ty M phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông; Xét ý kiến trình bày của ông D, nội dung biên bản làm việc ngày 08/2/2017 xác định quyết toán số tiền còn lại phải trả cho ông Nguyễn Văn D, Ngân hàng và công ty M sẽ tiến hành thu hồi lô sạp để tìm đối tác khách cho thuê chứ không thể hiện công ty M sẽ chịu trách nhiệm trả nợ thay hoặc thể hiện khoản nợ của hợp đồng tín dụng được chuyển giao toàn bộ cho công ty M, do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần P đối với ông Nguyễn Văn D.

Đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 08/6/2018 là 1.511.761 đồng, theo đại diện Ngân hàng trình bày tại phiên tòa sơ thẩm số tiền này là tiền lãi trên số tiền nợ lãi phát sinh chưa thanh toán nên đây là khoản tiền lãi chồng lãi, tuy hợp đồng tín dụng có quy định người vay phải thanh toán khoản tiền này nhưng căn cứ khoản 2 Điều 11 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định *“Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”*; Ngân hàng đã áp dụng lãi suất đối với số tiền nợ quá hạn của ông Nguyễn Văn D bằng 150% lãi suất trong hạn, khoản tiền lãi chồng lãi này vượt quá quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền này.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P yêu cầu Công ty M thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay trong trường hợp ông Nguyễn Văn D không trả nợ. Xét thấy căn cứ khoản 8 Điều 2 của Hợp đồng hợp tác số 01/2014/HDLK-OCB ngày 10/11/2014 giữa Công ty M (là chủ đầu tư: CĐT) và Ngân hàng Thương mại cổ phần P (là OCB) quy định: *“Trường hợp 01 tiểu thương phát sinh nợ xấu: CĐT đồng ý khi 01 hộ tiểu thương phát sinh nợ quá hạn quá 60 ngày, Cty M và OCB sẽ*

kết hợp thu hồi lô, sắp để chuyển nhượng cho người khác để thu hồi nợ trong vòng 30 ngày tiếp theo; đến ngày quá hạn 91, mà CĐT và OCB vẫn chưa thực hiện được chuyển nhượng được lô sắp thì CĐT sẽ trả nợ thay cho cho KH món vay đó”. Như vậy, giữa Công ty M và Ngân hàng đã có thỏa thuận trả nợ thay khách hàng nên thỏa thuận này là giao dịch bảo lãnh. Hợp đồng thuê ki-ốt của ông D đã được kết thúc ngày 08/2/2017, đến ngày 08/3/2017 là đã quá thời hạn 30 ngày trong thỏa thuận của hợp đồng hợp tác, vì vậy đã làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên bảo lãnh nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp ông Nguyễn Văn D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì buộc Công ty M thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 048.0223/2014/HĐTD-CN ngày 11/11/2015 thay cho ông Nguyễn Văn D.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki-ốt G05 tại chợ Trung tâm B, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2017 của Tòa án, hiện ki-ốt G05 đang để trống và chưa có người thuê nên căn cứ Điều 2 và Điều 5 của hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng (của bên thứ 3) số 048.0223/2015/BĐ ngày 11/11/2015 theo đó Ngân hàng Thương mại cổ phần P được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki-ốt G05 chợ Trung tâm B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng quây sắp ki-ốt chợ trung tâm B số 192/GCN-MTBL do Công ty M Bạc cấp ngày 11/5/2015 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Về yêu cầu này.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng, ông Nguyễn Văn D phải chịu toàn bộ, Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã dự nộp 200.000 đồng nên ông D phải hoàn lại cho ngân hàng 200.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 137.395.209 đồng nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 137.395.209 đồng x 5% = 6.869.760 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi chậm trả lãi 1.511.761 đồng không được chấp nhận. Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã nộp 3.061.000 đồng tạm ứng án phí được đối trừ Ngân hàng được hoàn lại 2.761.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471, 473, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Buộc ông Nguyễn Văn D trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 137.395.209 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm lẻ chín đồng*), trong đó nợ gốc là 116.350.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 08/6/2018 là 21.045.209 đồng (gồm lãi trong hạn 18.021.682 đồng và lãi quá hạn 3.023.527 đồng)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi 1.511.761 đồng (*Một triệu năm trăm mười một nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn D không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì buộc Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - thương mại M phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thay cho ông Nguyễn Văn D.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn D và Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - Thương mại M không thanh toán được nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng ki ốt số G05, chợ Trung tâm phường N, thành phố B, diện tích 4,53m² theo giấy chứng nhận số 192/GCN-MTBL do Công ty Cổ phần đầu tư, xây dựng, thương mại M cấp ngày 11/05/2015.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn D hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.869.706 đồng (*Sáu triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng*).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã nộp 3.061.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007688 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P được hoàn lại 2.761.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Tuyết Anh

